

**KẾ HOẠCH BAY NGÀY 30/10/2025**

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD5+P6+P9	7:25	18+1+2	0+0+0		16+2+3	0+0+0	chuyen 2 P6- P9
2		TD3+SAVR	9:25	18+4	0+0		16+6	0+0	
3		P9+P7+TTCl	11:25	18+1+0	0+0+0		17+1+1	0+0+0	
4		PVD8+SAVR	13:25	3+16	0+0		2+19	0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.

1/ Đi về trong ngày P9-Ing

2/Các gián chú ý: Thẻ VT về bờ dân hành lý và phải ghi họ tên hành khách và nơi xuất phát về bờ. Không có sẽ tạm giữ lại lập danh sách vi phạm nội quy AT bay, sẽ đề nghị trừ thưởng gián và cá nhân vi phạm



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 30/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
B.CARD: CAM-1	TO: TD5 - P6 - P9	CREW: VTHANG - NPHU - TU	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 1		VNHS FLIGHT: TM25/4269	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	ĐẶNG VĂN HƠN	TD5	92	1	10			85	KHOAN	Vietnamese
2	LÊ THÈ ANH	TD5						80	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN HOANH VŨ	TD5	80	1	5			73	KHOAN	Vietnamese
4	LIU THE ĐIỆN	TD5	94	1	6			71	KHOAN	Vietnamese
5	LÊ HOANG BAO AN	TD5	95	1	14			70	KHOAN	Vietnamese
6	PHẠM XUÂN HAI	TD5	93	1	5			73	KHOAN	Vietnamese
7	ĐẶNG MINH KHAI	TD5	86	1	8			83	KHOAN	Vietnamese
8	HỒ THANH QUANG	TD5	88-89	2	10	2	40	73	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN TRUNG ĐỨC	TD5	83-84	2	9			74	ANTOAN	Vietnamese
10	HÀ THANH TÙNG	TD5	82	1	6			88	KHOAN	Vietnamese
11	LUƠNG MINH PHỤNG	TD5	85	1	9			60	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN MINH TIẾN	TD5	91	1	7			93	KHOAN	Vietnamese
13	ĐOÀN VIỆT ĐỒNG	TD5	98	1	11	3	38	75	CODIEN	Vietnamese
14	ĐỖ ĐỨC ANH	TD5	99	1	11			79	CODIEN	Vietnamese
15	VŨ VĂN THUY	TD5	51-52	2	17	1	14	71	DVL	Vietnamese
16	TRẦN ĐẶC THĂNG	TD5	81	1	3			74	PSV	Vietnamese
17	VŨ ĐÌNH GIANG	TD5	87	1	6			62	PSV	Vietnamese
18	VƯƠNG ĐÌNH ĐỒNG	TD5	96-97	2	9			91	PSV	Vietnamese
19	PHẠM VĂN THUAN	TD5	90	1	3			77	KHOAN	Vietnamese
20	HOÀNG VĂN THĂNG	P6	65-66	2	20			64	XAYLAP	Vietnamese
21	KRAMARENKO V.V.	P9						70	KH-THAC	Russian

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD5	19	1.452	22	149	6	92	16		
2	P6	1	64	2	20	0	0	2	2	CHUYEN 02 PAX TU P6-P9
3	P9	1	70	0	0	0	0	3		
<b>TOTAL</b>		<b>21</b>	<b>1.586</b>	<b>24</b>	<b>169</b>	<b>6</b>	<b>92</b>	<b>21</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.586</b>		<b>169</b>		<b>92</b>			

GRAND TOAL: 1.847 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ HỒNG HÀ

CREW

NGÔ VĂN THẮNG

ĐÀO NGỌC PHÚ



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 30/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:50
B.CARD: XANH 2	TO: TD3 - SAVR	CREW: VTHẮNG - NPHÚ - TÚ	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 2		VNHS FLIGHT: TM25/4270	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	NGUYỄN HOANG NAM	TD3	87	1	5			76	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN THANH BÌNH	TD3	90	1	4			69	KHOAN	Vietnamese
3	LÊ SỸ HÙNG	TD3	94	1	5			69	KHOAN	Vietnamese
4	BUI VĂN NGHĨA	TD3	81-82	2	10			77	KHOAN	Vietnamese
5	DUƠNG HOANG LONG	TD3	88-89	2	13			68	KHOAN	Vietnamese
6	NGÔ DUY THANH	TD3	83	1	4			71	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN THANH NHAN	TD3	91-92	2	8			74	KHOAN	Vietnamese
8	TRẦN ĐẠI DƯƠNG	TD3	93	1	6			73	ANTOAN	Vietnamese
9	LA THANH	TD3	99,900	2	12			79	YTE	Vietnamese
10	LIU QUYẾT THẮNG	TD3						69	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN VIỆT HÙNG	TD3	98	1	11			73	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN SƠN HẢI	TD3	95	1	5	3	42	83	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN ĐỨC	TD3	06	1	8			62	KHOAN	Vietnamese
14	LÊ THANH HIỆU	TD3	97	1	8	2	8	74	CODIEN	Vietnamese
15	NGUYỄN TẤT LỘC	TD3	86	1	4			56	PSV	Vietnamese
16	LÊ THANH CHÂU	TD3	96	1	4			71	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN NGỌC HIỀN	TD3	80	1	9			81	HÀ VIỆT	Vietnamese
18	NGUYỄN TRỌNG DŨNG	TD3	84-85	2	8			49	HÀ VIỆT	Vietnamese
19	KOSHELIUK IGOR	SAVR	44	1	11			88	AMNGR	Russian
20	ALMAEV RAMIL	SAVR	50	1	11			89	AMNGR	Russian
21	NGUYỄN MẠNH HOÀN	SAVR	99	1	5			59	KHOAN	Vietnamese
22	TRẦN XUÂN BÔNG	SAVR	97-98	2	12			72	PVD LOGGI	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO.		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD3	18	1.274	22	124	5	50	16		
2	SAVR	4	308	5	39	0	0	6		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>1.582</b>	<b>27</b>	<b>163</b>	<b>5</b>	<b>50</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.582</b>		<b>163</b>		<b>50</b>			

GRAND TOAL: 1.795 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ HẰNG

CREW

NGÔ VĂN THẮNG

ĐÀO NGỌC PHÚ



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 30/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:10
B.CARD: XANH-3	TO: P9 - P7 - TTC1	CREW: LINH - N.CUONG - NNAM	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 3		VNHS FLIGHT: TM25/4271	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	BUI NGOC QUANG	P9	37	1	9			60	KHOAN	Vietnamese
2	NGO DUY NGOC	P9	40	1	14			63	KHOAN	Vietnamese
3	HAMZA REDJAI	P9	42	1	20			111	THIEN NAM	Algeria
4	BUI NGUYEN TRUNG HAU	P9	43-44	2	14			56	THIEN NAM	Vietnamese
5	PHAN THANH TAM	P9	51	1	11			51	THIEN NAM	Vietnamese
6	NGUYEN NGHIA TUAN	P9	41	1	5			74	THIEN NAM	Vietnamese
7	TRAN DAC LUU	P9	38-39	2	8			65	THIEN NAM	Vietnamese
8	LE MINH THUAN	P9	36	1	9	4	36	54	THIEN NAM	Vietnamese
9	NGUYEN VIET TU	P9	60	1	8			62	THIEN NAM	Vietnamese
10	HOANG VAN TUNG	P9	55-56	2	8			62	THIEN NAM	Vietnamese
11	ĐẶNG NGỌC TUYẾN	P9	53-54	2	8			51	THIEN NAM	Vietnamese
12	NGUYỄN ĐỨC MẠNH	P9	49-50	2	12			53	THIEN NAM	Vietnamese
13	KHÔNG VĂN LINH	P9	46	1	7			57	THIEN NAM	Vietnamese
14	HOANG VAN BANG	P9	52	1	11			71	THIEN NAM	Vietnamese
15	HỒ ĐỨC KHAI	P9	61	1	4			70	THIEN NAM	Vietnamese
16	NGUYEN VAN DUY	P9	45	1	7			63	THIEN NAM	Vietnamese
17	ROBERT JOHN NAGLE	P9	59	1	5	1	20	91	THIEN NAM	New Zealand
18	NGUYEN THAI HOA	P9	57	1	4			79	THIEN NAM	Vietnamese
19	HACINI ABDELHAMID	P9	47-48	2	13			64	THIENNAM	Algeria
20	MAI CONG LAN	P7						67	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P9	19	1.257	25	177	5	56	19		
2	P7	1	67	0	0	0	0	1		
3	TTC1	0	0	0	0	2	25	1		
<b>TOTAL</b>		<b>20</b>	<b>1.324</b>	<b>25</b>	<b>177</b>	<b>7</b>	<b>81</b>	<b>21</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.324</b>		<b>177</b>		<b>81</b>			

GRAND TOAL: 1.582 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐẶNG THÚY ANH

CREW

NGÔ VĂN LINH   
 PHAN NHƯ CƯỜNG



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 30/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 14:30
B.CARD: CAM-4	TO: PVD8 - SAVR	CREW: LINH - N.CUONG - NNAM	ETA: 16:20
VSP FLIGHT: 4		VNHS FLIGHT: TM25/4272	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	PHAN VAN TUAN	PVD8	44-46	3	20			57	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYEN QUANG DUNG	PVD8	42-43	2	20			69	XAYLAP	Vietnamese
3	HOANG NGOC MINH	PVD8	41	1	13			64	XAYLAP	Vietnamese
4	LOSEV ALEKSEI	SAVR	400	1	11			91	AMNGR	Russian
5	TANGIEV DAUD	SAVR	300	1	17			86	AMNGR	Russian
6	DOROKHOV DMITRII	SAVR	32	1	15			78	AMNGR	Russian
7	POMAZANSKII IVAN	SAVR	59-60	2	20			77	AMNGR	Russian
8	MOZHGOROV PETR	SAVR	295-296	2	18			66	AMNGR	Russian
9	TRETIKOV NIKITA	SAVR	298-299	2	16			69	AMNGR	Russian
10	OBUSHENKOV DMITRII	SAVR	098-099	2	12			84	AMNGR	Russian
11	MAKAGONOV DMITRII	SAVR	294	1	11			102	AMNGR	Russian
12	KRUPIN VLADISLAV	SAVR	095-096	2	20			87	AMNGR	Russian
13	GUSHCHIN SEMEN	SAVR	297	1	12			65	AMNGR	Russian
14	SHMATOV ANTON	SAVR	33	1	15			91	AMNGR	Russian
15	NGUYEN HOANG NAM	SAVR	94-95	2	16			63	MINH MINH	Vietnamese
16	TRAN VAN NGHIA	SAVR	97	1	15			80	DVL	Vietnamese
17	PHAM DUC THANG	SAVR	98-99	2	13			68	DVL	Vietnamese
18	NGUYEN ANH DUC	SAVR	097	1	3			59	DMC-MI	Vietnamese
19	TRAN THANH TAM	SAVR	56	1	11			55	BAKER HU	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PVD8	3	190	6	53	0	0	2		
2	SAVR	16	1.221	23	225	0	0	19		
<b>TOTAL</b>		<b>19</b>	<b>1.411</b>	<b>29</b>	<b>278</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>21</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.411</b>		<b>278</b>		<b>0</b>			

GRAND TOAL: 1.689 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

NGUYỄN THỊ KIỀU THU

CREW

NGÔ VĂN LINH  
PHAN NHƯ CƯỜNG

